

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018**

Tháng 08 năm 2018

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng). Tại ngày 30/06/2018, tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty gồm các cổ đông sau:

- Cổ đông là các tổ chức: gồm 6 đơn vị nắm giữ 2.360.000 cổ phần, chiếm 8,28% vốn điều lệ;
- Cổ đông cá nhân gồm:
  - + Ông Nguyễn Ngọc Tường nắm giữ 1.400.000 cổ phần, chiếm 4,91% vốn điều lệ;
  - + 48 cổ đông là các cá nhân có tỷ lệ sở hữu từ 3,5% đến dưới 4% vốn điều lệ, tổng số cổ phần nắm giữ là 24.690.614 cổ phần, chiếm 86,67% vốn điều lệ;
  - + Các cổ đông khác nắm giữ 39.786 cổ phần, tương ứng 0,14% vốn điều lệ.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>	
Ông Trần Quang Chung	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Khoa	Thành viên
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên
Ông Trần Văn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên
Ông Vũ Văn Trung	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	
Ông Lê Văn Khoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ban kiểm soát</b>	
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên
Ông Lê Nhất Minh Xuân	Thành viên
<b>Kế toán Công ty</b>	
Ông Hoàng Hữu Điền	Kế toán trưởng

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện theo pháp luật của Công ty,



**Lê Văn Khoa**  
**Tổng Giám đốc**

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2018

Số 716/2018/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 08 năm 2018, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



---

**Phan Huy Thắng**

**Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2018*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018**

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>79.817.215.434</b>	<b>93.317.779.979</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>2.649.347.839</b>	<b>19.981.606.386</b>
1. Tiền	111		2.649.347.839	19.981.606.386
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>76.794.778.395</b>	<b>63.926.775.590</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	34.704.098.049	39.922.233.721
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	12.297.105.735	13.053.979.275
3. Phải thu khác ngắn hạn	136	5.05	29.793.574.611	10.950.562.594
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>373.089.200</b>	<b>9.409.398.003</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.04	373.089.200	333.174.043
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	9.074.540.299
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.09	-	1.683.661
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.005.548.500.974</b>	<b>1.005.698.721.829</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11.486.886.255</b>	<b>14.699.358.255</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.05	11.486.886.255	14.699.358.255
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.06</b>	<b>992.784.201.103</b>	<b>415.870.410.138</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		992.784.201.103	415.870.410.138
- Nguyên giá	222		1.143.952.728.070	550.149.462.558
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(151.168.526.967)	(134.279.052.420)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>573.905.615.216</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	573.905.615.216
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.277.413.616</b>	<b>1.223.338.220</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.04	409.019.883	300.385.719
2. Lợi thế thương mại	269	5.07	868.393.733	922.952.501
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.085.365.716.408</b>	<b>1.099.016.501.808</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018**

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>773.059.372.132</b>	<b>783.700.446.188</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>107.095.372.132</b>	<b>106.907.527.554</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.08	15.658.994.820	42.319.041.277
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.09	12.340.311.090	5.977.431.248
3. Phải trả người lao động	314		1.213.448.487	1.082.015.624
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	22.857.823.610	16.157.818.753
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	17.516.078.961	316.100.652
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	37.000.000.000	40.950.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		508.715.164	105.120.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>665.964.000.000</b>	<b>676.792.918.634</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	665.964.000.000	676.792.918.634
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>312.306.344.276</b>	<b>315.316.055.620</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>312.306.344.276</b>	<b>315.316.055.620</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.627.600.212	26.780.175.679
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.930.406.140	9.400.329.736
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.697.194.073	17.379.845.943
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.774.744.064	3.631.879.941
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.085.365.716.408</b>	<b>1.099.016.501.808</b>

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Kim Long



Hoàng Hữu Điền



Lê Văn Khoa



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	66.038.703.239	51.630.539.194
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.038.703.239	51.630.539.194
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	25.209.374.718	16.083.145.115
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>40.829.328.521</b>	<b>35.547.394.079</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	17.137.272	24.278.605
7. Chi phí tài chính	22	6.04	22.140.477.956	17.965.110.197
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>22.140.477.956</i>	<i>17.965.110.197</i>
8. Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	2.895.637.288	1.918.146.471
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>15.810.350.550</b>	<b>15.688.416.016</b>
12. Thu nhập khác	31		3.837.203	5.190.200
13. Chi phí khác	32		54.940.737	315.467.901
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(51.103.534)</b>	<b>(310.277.701)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>15.759.247.016</b>	<b>15.378.138.315</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.06	911.651.830	1.263.564.795
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>14.847.595.186</b>	<b>14.114.573.520</b>
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	61		14.697.194.073	14.092.127.239
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		150.401.113	22.446.281
<b>20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.08</b>	<b>494</b>	<b>1.304</b>

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Văn Khoa

Nguyễn Thị Kim Long

Hoàng Hữu Điền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.759.247.016	15.378.138.315
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	16.889.474.547	14.113.682.400
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.137.272)	(24.278.605)
- Chi phí lãi vay	06	22.140.477.956	17.965.110.197
- Các khoản điều chỉnh khác	07	54.558.769	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	54.826.621.015	47.432.652.307
- Tăng các khoản phải thu	09	(194.306.845)	(30.000.194.020)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.644.693.190)	5.824.678.645
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(148.549.321)	(24.575.156)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(32.936.404.345)	(19.471.646.392)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(1.251.022.837)	(524.967.197)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(203.390.000)	(113.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.448.254.477	3.122.868.187
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.897.650.296)	(11.978.278.739)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.137.272	24.278.605
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.880.513.024)	(11.954.000.134)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	8.404.400.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.900.000.000)	(11.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.900.000.000)	(2.895.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(17.332.258.547)	(11.726.731.947)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.981.606.386	14.919.919.318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.649.347.839	3.193.187.371

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Kim Long

Hoàng Hữu Điền

Lê Văn Khoa

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng). Tại ngày 30/06/2018, tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty gồm các cổ đông sau:

- Cổ đông là các tổ chức: gồm 6 đơn vị nắm giữ 2.360.000 cổ phần, chiếm 8,28% vốn điều lệ;
- Cổ đông cá nhân gồm:
  - + Ông Nguyễn Ngọc Tường nắm giữ 1.400.000 cổ phần, chiếm 4,91% vốn điều lệ;
  - + 48 cổ đông là các cá nhân có tỷ lệ sở hữu từ 3,5% đến dưới 4% vốn điều lệ, tổng số cổ phần nắm giữ là 24.690.614 cổ phần, chiếm 86,67% vốn điều lệ;
  - + Các cổ đông khác nắm giữ 0,14% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Điện thoại: (84-6).03868119

Fax: (84-6).03868901

E-mail: info@dakne.vn

Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN****Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2018, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>			
1	Công ty TNHH Trung Việt	Lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
<b>II</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
1	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2, Xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%
2	Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng	Tầng 4, Tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		100%

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Ngoài ra Công ty còn định kỳ lập báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty kiểm soát được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần của Công ty con hợp nhất trong kỳ hoạt động được xác định và loại trừ ra khỏi thu nhập của tập đoàn để tính lãi, hoặc lỗ thuần có thể được xác định cho những đối tượng sở hữu Công ty mẹ;

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát của Công ty được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

- i. Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (Agribank) tại ngày 30/06/2018.
- ii. Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (Agribank) tại ngày 30/06/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - TK 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
29/06/2018	Ngân hàng Agribank	22.910 VND/USD	22.980 VND/USD

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

*Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển*

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

**Các khoản tương đương tiền**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

#### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

#### **Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

D.  
C  
7  
KIẾ  
T  
H



**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

0  
T  
H  
Á  
I  
A

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	83.152.175	546.698.743
Tiền gửi ngân hàng	2.566.195.664	19.434.907.643
<b>Cộng</b>	<b>2.649.347.839</b>	<b>19.981.606.386</b>

**5.02 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng công ty điện lực Miền Trung	34.704.098.049	9.728.070.557
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tân Phước	-	30.194.163.164
<b>Cộng</b>	<b>34.704.098.049</b>	<b>39.922.233.721</b>

**5.03 Trả trước người bán ngắn hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Tấn Phát - Bên liên quan (*)	10.059.570.000	10.109.570.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy điện Việt Trung	-	1.337.357.000
Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kon Rẫy	320.000.000	320.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng điện (**)	231.010.000	231.010.000
Các đối tượng khác	1.686.525.735	1.056.042.275
<b>Cộng</b>	<b>12.297.105.735</b>	<b>13.053.979.275</b>

(\*) Giá trị Hợp đồng số 69/HĐKT/ĐẮKNE\_TANPHAT ngày 02/11/2016 ký với Công ty Cổ phần Tấn Phát về việc thực hiện nạo hút cát lòng hồ nhà máy thủy điện Đăk Ne, hợp đồng đang thực hiện chưa hoàn thành.

(\*\*) Chi phí tư vấn giám sát dự án Đăkbla phát sinh nhưng chưa nghiệm thu quyết toán, tổng giá trị hợp đồng trọn gói là 2.400.000.000 đồng.

**5.04 Chi phí trả trước**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>373.089.200</b>	<b>333.174.043</b>
Công cụ dụng cụ	373.089.200	333.174.043
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>409.019.883</b>	<b>300.385.719</b>
Công cụ dụng cụ	409.019.883	300.385.719
<b>Cộng</b>	<b>782.109.083</b>	<b>633.559.762</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.05 Phải thu khác**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng (**)	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đơn vị: VND				
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>29.793.574.611</b>	<b>-</b>	<b>10.950.562.594</b>	<b>-</b>
- <i>Phải thu tạm ứng</i>				
Ông Hoàng Hữu Điền	68.815.487	-	84.260.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim My	306.323.992	-	261.736.993	-
Ông Hồ Thanh Tiến	167.678.690	-	73.398.390	-
Ông Lê Hồ Hoàng Hà	148.312.187	-	127.312.187	-
Các đối tượng khác	327.040.758	-	228.393.748	-
- <i>Bên liên quan tạm ứng</i>				
Ông Võ Quốc Vương (*)	16.615.623.051	-	235.564.777	-
Ông Nguyễn Văn Quân	289.747.200	-	256.959.200	-
Ông Trần Quang Chung	249.058.000	-	175.058.000	-
Ông Lê Văn Khoa (*)	10.652.307.003	-	376.808.493	-
Ông Nguyễn Công Thành	-	-	6.835.807.908	-
- <i>Phải thu khác</i>				
Công Ty TNHH Nước Vin (lợi nhuận được chia 2016)	968.668.243	-	968.668.243	-
Các đối tượng khác	-	-	3.336.803	-
- <i>Phải thu khác bên liên quan</i>				
Ông Nguyễn Công Thành	-	-	1.323.257.852	-
<b>Phải thu khác dài hạn</b>	<b>11.486.886.255</b>	<b>-</b>	<b>14.699.358.255</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược (thuê nhà)	211.033.000	-	173.433.000	-
- <i>Bên liên quan tạm ứng</i>				
Ông Nguyễn Công Thành	-	-	2.300.000.000	-
- <i>Phải thu dài hạn khác bên liên quan</i>				
Ông Nguyễn Công Thành (*)	11.275.853.255	-	12.225.925.255	-
<b>Cộng</b>	<b>41.280.460.866</b>	<b>-</b>	<b>25.649.920.849</b>	<b>-</b>

(\*) Các khoản tạm ứng cho cá nhân để phục vụ cho công việc của Công ty, thực hiện triển khai một số dự án mới và tìm kiếm các cơ hội đầu tư theo các quyết định đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Trong đó:

- Các khoản tạm ứng của cá nhân ông Lê Văn Khoa bao gồm: Tại Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh là 2.492.687.003 đồng theo quyết định phê duyệt 03/QĐ-TTE ngày 16/01/2018, quyết định số 05/QĐ-TTE ngày 09/02/2018 về việc tạm ứng để hoàn thiện các thủ tục pháp lý dự án điện mặt trời; Tại Công ty TNHH Trung Việt là 8.159.620.000 đồng theo quyết định phê duyệt số 02/QĐ - TV ngày 07/01/2018 về việc chi tạm ứng để hoàn thiện các thủ tục pháp lý dự án thủy điện Đăkbla 1.

- Số dư nợ tạm ứng của ông Võ Quốc Vương tại Công ty TNHH Trung Việt là 16.615.623.051 đồng theo quyết định phê duyệt số 16/QĐ- TV ngày 18/05/2018 về việc tạm ứng để hoàn thiện thủ tục pháp lý dự án thủy điện Đăkbla 1.

- Các khoản tạm ứng của ông Nguyễn Công Thành để phục vụ cho công việc của Công ty, tạm ứng để thực hiện thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý dự án điện mặt trời theo quyết định số 56/QĐ-TGD ngày 05/10/2017, quyết định số 66/QĐ-TGD ngày 08/10/2017 của Tổng Giám đốc.

(\*\*) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã thận trọng xem xét, đánh giá các khoản công nợ và cho rằng các khoản nợ đều có khả năng thu hồi nên chưa thực hiện trích lập dự phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MÃU B 09 a - DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.06 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2018	542.803.120.934	636.754.545	6.586.275.987	123.311.092	550.149.462.558
Tăng trong kỳ	593.803.265.512	-	-	-	593.803.265.512
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	593.803.265.512	-	-	-	593.803.265.512
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2018	1.136.606.386.446	636.754.545	6.586.275.987	123.311.092	1.143.952.728.070
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2018	132.506.726.328	316.829.714	1.386.895.153	68.601.225	134.279.052.420
Tăng trong kỳ	16.363.960.336	62.521.445	442.440.918	20.551.848	16.889.474.547
Khấu hao trong kỳ	16.363.960.336	62.521.445	442.440.918	20.551.848	16.889.474.547
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2018	148.870.686.664	379.351.159	1.829.336.071	89.153.073	151.168.526.967
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2018	410.296.394.606	319.924.831	5.199.380.834	54.709.867	415.870.410.138
Tại ngày 30/06/2018	987.735.699.782	257.403.386	4.756.939.916	34.158.019	992.784.201.103

Đơn vị : VND

Như trình bày tại thuyết minh 5.11, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2018 là 987.735.699.782 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.07 Lợi thế thương mại**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lợi thế thương mại	868.393.733	922.952.501
<b>Cộng</b>	<b>868.393.733</b>	<b>922.952.501</b>

**5.08 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán</b>				
Công ty CP TV XD năng lượng tái tạo	41.536.000	41.536.000	41.536.000	41.536.000
Chi nhánh TPHCM - Công ty TNHH kiểm toán Vaco	75.700.000	75.700.000	29.350.000	29.350.000
Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền Trung	38.622.440	38.622.440	39.735.684	39.735.684
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuân Tiến	-	-	4.763.047.850	4.763.047.850
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tú Hưng	-	-	2.200.027.555	2.200.027.555
Công ty TNHH Sắt thép Nguyễn Minh	6.380	6.380	4.400.006.380	4.400.006.380
Công ty TNHH Sản xuất TM Huy Hùng Thịnh	-	-	2.794.802.250	2.794.802.250
Công ty TNHH Dầu Tây Nam PV	-	-	3.300.013.420	3.300.013.420
Công ty TNHH Thương mại DV Kim Nam Dung	-	-	2.178.000.000	2.178.000.000
Công ty TNHH Hưng Long	2.260.500.000	2.260.500.000	2.260.500.000	2.260.500.000
Công ty TNHH Kinh doanh Xăng dầu PETIMEX	-	-	2.139.898.035	2.139.898.035
Các đối tượng khác	598.798.220	598.798.220	226.292.323	226.292.323
<b>- Phải trả Bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Tấn Phát (*)	12.643.831.780	12.643.831.780	17.945.831.780	17.945.831.780
<b>Cộng</b>	<b>15.658.994.820</b>	<b>15.658.994.820</b>	<b>42.319.041.277</b>	<b>42.319.041.277</b>

(\*)-Tiền thi công công trình thủy điện Đak Bal 1 còn phải trả theo hồ sơ nghiệm thu đến 30/06/2018 theo hợp đồng tổng thầu số 08/2015/HĐKT-TV-LDVT&TP ngày 09/03/2015 và phụ lục số 02/PLHĐKT-TP ngày 01/10/2015 được ký giữa Công ty TNHH Trung Việt và liên danh giữa 2 Công ty là Công ty CP Xây dựng thủy điện Việt Trung và Công ty CP Tấn Phát với giá trị hợp đồng: 471.598.404.611 đồng.

- Chi phí thuê văn phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU B 09a-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.09 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

Nội dung	01/01/2018		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2018	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng	903.908.473	1.683.661	5.275.313.212	1.572.449.023	4.605.089.001	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.771.624.488	-	911.651.830	1.251.022.837	2.432.253.481	-
Thuế thu nhập cá nhân	26.412.259	-	57.631.450	51.025.088	33.018.621	-
Thuế tài nguyên	1.524.572.963	-	4.302.952.721	1.832.361.527	3.995.164.157	-
Thuế nhà đất	-	-	3.468.791	3.468.791	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	750.913.065	-	1.800.924.899	1.277.052.134	1.274.785.830	-
<b>Cộng</b>	<b>5.977.431.248</b>	<b>1.683.661</b>	<b>12.358.942.903</b>	<b>5.994.379.400</b>	<b>12.340.311.090</b>	<b>-</b>

Đơn vị: VND

**5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột	20.035.277.777	16.157.818.753
Lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Kon Tum	2.822.545.833	-
<b>Cộng</b>	<b>22.857.823.610</b>	<b>16.157.818.753</b>

**5.11 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.121.741	15.121.741
Bảo hiểm xã hội	118.566.520	39.571.069
Bảo hiểm y tế	30.161.010	35.554.486
Bảo hiểm thất nghiệp	20.437.118	15.797.206
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	17.094.240.000	-
Phải trả, phải nộp khác	228.552.572	201.056.150
Phải trả khác bên liên quan	9.000.000	9.000.000
- Ông Lê Văn Khoa	4.500.000	4.500.000
- Ông Nguyễn Ngọc Tường	4.500.000	4.500.000
<b>Cộng</b>	<b>17.516.078.961</b>	<b>316.100.652</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/2018/NQ-TTE ngày 08/04/2018, Công ty chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế số tiền 17.094.240.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2018		Phát sinh trong kỳ		01/01/2018		Đơn vị: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn Ngân hàng và Nợ dài hạn đến hạn trả	37.000.000.000	37.000.000.000	10.950.000.000	14.900.000.000	40.950.000.000	40.950.000.000	40.950.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	4.950.000.000	3.100.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (ii)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (iii)	12.000.000.000	12.000.000.000	6.000.000.000	11.800.000.000	17.800.000.000	17.800.000.000	17.800.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>665.964.000.000</b>	<b>665.964.000.000</b>	<b>121.081.366</b>	<b>10.950.000.000</b>	<b>676.792.918.634</b>	<b>676.792.918.634</b>	<b>676.792.918.634</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (i)	99.064.000.000	99.064.000.000	-	4.950.000.000	104.014.000.000	104.014.000.000	104.014.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (ii)	375.000.000.000	375.000.000.000	-	-	375.000.000.000	375.000.000.000	375.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (iii)	191.900.000.000	191.900.000.000	121.081.366	6.000.000.000	197.778.918.634	197.778.918.634	197.778.918.634
<b>Cộng</b>	<b>702.964.000.000</b>	<b>702.964.000.000</b>	<b>11.071.081.366</b>	<b>25.850.000.000</b>	<b>717.742.918.634</b>	<b>717.742.918.634</b>	<b>717.742.918.634</b>



## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### 5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

#### (i) Các hợp đồng:

Khoản vay trên được vay từ ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum, theo hợp đồng tín dụng số 5100-LAV - 300900523 ngày 12 tháng 06 năm 2009 với thời hạn vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhằm mục đích đầu tư dự án Thủy điện Đăk Pia, theo các phụ lục hợp đồng sửa đổi tín dụng, nợ gốc bắt đầu từ ngày 25/06/2013. Khoản vay này chịu lãi suất cho vay có điều chỉnh, được tính bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam, 12 tháng (lãi trả sau), của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Kon Tum, cộng 3%/năm, tối đa bằng lãi suất trần theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Lãi suất được điều chỉnh tối đa 03 tháng 01 lần. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đăk Pia.

Khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP thủy điện Đăk Ne và Công ty TNHH Nước Vín. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma thuật (VAB) theo hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTDHDN ngày 15 tháng 5 năm 2015 với thời hạn 14 năm kể từ ngày 15/05/2015 đến ngày 15/05/2029 nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Đak Bla1. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Thời hạn trả nợ gốc bắt đầu từ ngày 15/05/2018. Ngày 31/12/2016 hai bên có ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTDHDH-PL01 với việc điều chỉnh số tiền cho vay lên 395.000.000.000 đồng. Thời gian vay không thay đổi, chỉ được ân hạn nợ gốc là 24 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu (Trong thời gian 02 năm xây dựng).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1. Quyền tài sản phát sinh từ việc đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1. Bao gồm: Quyền phát sinh từ các khoản phải thu theo hợp đồng mua bán điện, Quyền phát sinh từ việc thu có được từ việc thực hiện Cơ chế phát triển sạch (CDM), Quyền phát sinh từ việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

(iii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện ĐăkNe. Lãi suất vay là lãi biến động và kỳ điều chỉnh được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng theo thông báo của VAB tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện ĐăkNe để thế chấp cho khoản vay này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.13 Vốn Chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn Chủ sở hữu**

	Đơn vị: VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<i>Kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017</i>				
Số dư tại 01/01/2017	284.904.000.000	11.226.794.431	3.481.140.131	299.611.934.562
Tăng trong kỳ	-	14.092.127.239	22.446.281	14.114.573.520
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	14.092.127.239	22.446.281	14.114.573.520
Giảm trong kỳ	-	120.000.000	-	120.000.000
Trích lập các quỹ	-	120.000.000	-	120.000.000
<b>Số dư tại 30/06/2017</b>	<b>284.904.000.000</b>	<b>25.198.921.670</b>	<b>3.503.586.412</b>	<b>313.606.508.082</b>
<i>Kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018</i>				
Số dư tại 01/01/2018	284.904.000.000	26.780.175.679	3.631.879.941	315.316.055.620
Tăng trong kỳ	-	14.697.194.073	150.401.113	14.847.595.186
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	14.697.194.073	150.401.113	14.847.595.186
Giảm trong kỳ	-	17.849.769.540	7.536.990	17.857.306.530
Trích lập các quỹ	-	634.448.174	7.536.990	641.985.164
Chia cổ tức	-	17.094.240.000	-	17.094.240.000
Giảm khác	-	121.081.366	-	121.081.366
<b>Số dư tại 30/06/2018</b>	<b>284.904.000.000</b>	<b>23.627.600.212</b>	<b>3.774.744.064</b>	<b>312.306.344.276</b>

*Trong kỳ, Công ty thực hiện chia cổ tức, trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/2018/NQ-TTE ngày 08/04/2018.*

**b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Huy Cường	-	0,00%	1.093.000	3,84%
Nguyễn Ngọc Tường	1.400.000	4,91%	4.677.295	16,42%
Ông Trần Quang Chung	1.038.900	3,65%	1.038.900	3,65%
Ông Nguyễn Ngọc Trung	1.000	0,00%	1.400.000	4,91%
Ông Lưu Thanh Nghị	1.395.000	4,90%	1.395.000	4,90%
Bà Nguyễn Thị Hoa	1.390.000	4,88%	1.390.000	4,88%
Bà Nguyễn Thị Kim My	1.346.400	4,73%	1.346.400	4,73%
Ông Lý Văn Tài	1.353.200	4,75%	1.353.200	4,75%
Bà Ngô Thị Bích Trâm	1.367.500	4,80%	1.367.500	4,80%
Bà Nguyễn Thị Quyên	1.300.000	4,56%	-	0,00%
Bà Đỗ Thị Bích Huyền	1.307.719	4,59%	1.307.719	4,59%
Các cổ đông khác	16.590.681	58,23%	12.121.386	42,55%
<b>Cộng</b>	<b>28.490.400</b>	<b>100,00%</b>	<b>28.490.400</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.12 Vốn Chủ sở hữu (tiếp theo)***c. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu*

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	17.728.688.174	120.000.000

*d. Cổ phiếu*

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.13 Tài khoản ngoại bảng**

	30/06/2018 USD	01/01/2018 USD
Ngoại tệ USD	132.20	132.20

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.01 Doanh thu**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Doanh thu bán điện	66.038.703.239	51.630.539.194
<b>Cộng</b>	<b>66.038.703.239</b>	<b>51.630.539.194</b>

*Khác với thuyết minh doanh thu của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018, Doanh thu của kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 đang được trình bày không bao gồm Thuế Tài nguyên và Phí dịch vụ bảo vệ môi trường tổng số tiền 4.230.812.981 đồng.*

**6.02 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Giá vốn bán điện	25.209.374.718	16.083.145.115
<b>Cộng</b>	<b>25.209.374.718</b>	<b>16.083.145.115</b>

*Tương tự như thuyết minh doanh thu, Giá vốn của kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 đang được trình bày không bao gồm Thuế Tài nguyên và Phí dịch vụ bảo vệ môi trường số tiền 4.230.812.981 đồng.*

**6.03 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Lãi tiền gửi	17.137.272	24.278.605
<b>Cộng</b>	<b>17.137.272</b>	<b>24.278.605</b>

**6.04 Chi phí tài chính**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Lãi tiền vay	22.140.477.956	17.965.110.197
<b>Cộng</b>	<b>22.140.477.956</b>	<b>17.965.110.197</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.197.508.240	1.172.832.864
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.421.260	87.218.960
Chi phí khấu hao TSCĐ	222.168.728	270.525.342
Thuế phí và lệ phí	46.507.687	27.553.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.843.422	16.188.883
Chi phí bằng tiền khác	1.264.187.951	343.827.161
<b>Cộng</b>	<b>2.895.637.288</b>	<b>1.918.146.471</b>

**6.06 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.759.247.016</b>
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	99.255.348
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.858.502.363</b>
Thu nhập được miễn thuế	5.942.580.024
Thu nhập chịu thuế suất 10%	10.153.352.766
Thu nhập chịu thuế suất 20%	(237.430.427)
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>1.419.319.469</b>
Thuế TNDN phải nộp 10%	1.015.335.277
Thuế TNDN phải nộp 20%	403.984.192
Thuế TNDN được miễn, giảm	507.667.638
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>911.651.830</b>

**6.07 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.421.260
Chi phí nhân công	2.952.312.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.889.474.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.400.415.723
Chi phí khác bằng tiền	1.763.387.709
<b>Cộng</b>	<b>28.105.012.005</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****6.08 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Lợi nhuận phân phối cho công ty mẹ	14.697.194.073	14.092.127.239
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	634.448.174	120.000.000
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.062.745.899	13.972.127.239
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	28.490.400	10.712.445
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	494	1.304

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.01 Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.649.347.839	19.981.606.386
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.984.558.915	65.572.154.570
Đầu tư dài hạn khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>78.633.906.754</b>	<b>85.553.760.956</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	702.964.000.000	717.742.918.634
Phải trả người bán và phải trả khác	33.175.073.781	42.635.141.929
Chi phí phải trả	22.857.823.610	16.157.818.753
<b>Tổng cộng</b>	<b>758.996.897.391</b>	<b>776.535.879.316</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào, lãi suất và các chủ chương chính sách của Nhà Nước.

***Quản lý rủi ro về tỷ giá***

Công ty không có các giao dịch bằng ngoại tệ nên sẽ không gặp phải rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro về lãi suất***

Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn, dài hạn và vay các các nhân theo hợp đồng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khá lớn, chiếm tỷ lệ khoảng 65%/Tổng Tài sản của Công ty. Do đó Công ty sẽ gặp phải một số rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	30/06/2018		Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.649.347.839	-	2.649.347.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.497.672.660	11.486.886.255	75.984.558.915
<b>Cộng</b>	<b>67.147.020.499</b>	<b>11.486.886.255</b>	<b>78.633.906.754</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Các khoản vay	37.000.000.000	665.964.000.000	702.964.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	33.175.073.781	-	33.175.073.781
Chi phí phải trả	2.822.545.833	-	2.822.545.833
Công nợ khác	36.920.298.351	-	36.920.298.351
<b>Cộng</b>	<b>109.917.917.965</b>	<b>665.964.000.000</b>	<b>775.881.917.965</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(42.770.897.466)</b>	<b>(654.477.113.745)</b>	<b>(697.248.011.211)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

**7.02 Thông tin về các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Trung Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Tấn Phát	Cùng thành viên HĐQT
Ông Trần Quang Chung	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Khoa	Thành viên HĐQT – Tổng GD
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên HĐQT – Phó TGĐ

*Giao dịch với bên liên quan trong kỳ*

**Kỳ kế toán 06  
tháng kết thúc  
ngày 30/6/2018  
VND**

<b>Công ty Cổ phần Tấn Phát</b>	
Chi phí thuê văn phòng	68.181.818
Thuê thi công Công trình Đak Bla 1	5.330.495.000

*Số dư với bên liên quan tại ngày 30/06/2018*

	<b>30/06/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Tấn Phát</b>		
Ứng trước cho người bán	10.059.570.000	10.109.570.000
Phải trả người bán	12.643.831.780	17.945.831.780
<i>Chi phí thi công Công trình Đak Bla 1</i>	<i>12.618.831.780</i>	<i>17.945.831.780</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>25.000.000</i>	-
<b>Thành viên chủ chốt</b>		
Tạm ứng	10.901.365.003	9.687.674.401
Ông Lê Văn Khoa	10.652.307.003	376.808.493
Ông Trần Quang Chung	249.058.000	175.058.000
Ông Nguyễn Công Thành	-	9.135.807.908
Nợ phải thu khác (TK 138)	11.275.853.255	13.549.183.107
Ông Nguyễn Công Thành	11.275.853.255	13.549.183.107
Phải trả khác	9.000.000	9.000.000
Ông Lê Văn Khoa	4.500.000	4.500.000
Ông Nguyễn Ngọc Tường	4.500.000	4.500.000

*Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc*

	<b>Kỳ này</b>
Tổng thu nhập	426.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MÃU B 09a-DN/HN

**7.02 Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận cơ bản của Công ty là bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

	Tại Kon Tum		Tại Quảng Ngãi		Tổng	
	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Doanh thu thuần	61.426.852.471	42.047.260.969	4.611.850.768	9.583.278.225	66.038.703.239	51.630.539.194
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	22.161.763.605	13.496.776.225	3.047.611.113	2.586.368.890	25.209.374.718	16.083.145.115
<b>Lợi nhuận theo bộ phận</b>	<b>39.265.088.866</b>	<b>28.550.484.744</b>	<b>1.564.239.655</b>	<b>6.996.909.335</b>	<b>40.829.328.521</b>	<b>35.547.394.079</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

**7.03 Số liệu so sánh**

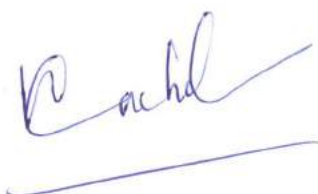
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30/06/2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Báo cáo soát xét độc lập số 118/VACO/BCSX.HCM phát hành ngày 16 tháng 9 năm 2017 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

*Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2018*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Kim Long**

**Hoàng Hữu Điền**

**Lê Văn Khoa**

